



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1C/TĐTKT-ĐT

Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐANG ĐẦU TƯ, CHƯA SẢN XUẤT, KINH DOANH Năm 2016

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định theo Luật Thống kê.
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x)
- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng câu trả lời thích hợp.
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên doanh nghiệp:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

2. Địa chỉ:

Tỉnh/TP trực thuộc TW:

Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh):

Xã/phường/thị trấn:

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

Số điện thoại:

Số fax:

Email:

CQ Thống kê ghi

--	--

--	--	--

--	--	--	--

Mã khu vực

--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

3. Thông tin về người đứng đầu cơ sở:

Họ và tên (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

Năm sinh:

--	--	--	--

Giới tính:

1 Nam

2 Nữ

CQ Thống kê ghi

Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):

--	--

Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất):

--	--

Trình độ chuyên môn được đào tạo (Theo bằng/giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có):

1 Chưa qua đào tạo

4 Trung cấp

7 Thạc sỹ

2 Đào tạo dưới 3 tháng

5 Cao đẳng

8 Tiến sỹ

3 Sơ cấp

6 Đại học

9 Trình độ khác

CQ Thống kê ghi

4. Ngành đăng ký SXKD chính:

--	--	--	--

(VSIC 2007 - Cấp 5)

5. DN có nằm trong khu CN, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao không?

1 Có

Khu CN

Khu chế xuất

Khu KT

Khu công nghệ cao

2 Không

6. Loại hình doanh nghiệp:

01. Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn NNTW

06. Doanh nghiệp tư nhân

02. Công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn NNĐP

07. Công ty hợp danh

03. Cty CP, Cty TNHH có vốn Nhà nước > 50%

08. Cty TNHH tư nhân, Cty TNHH có vốn N.nước ≤ 50%

↳ % vốn NNTW

↳ % vốn NNĐP

↳ % vốn nhà nước

04. Công ty nhà nước

09. Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước

4.1. Trung ương

10. Công ty cổ phần có vốn Nhà nước ≤ 50% →

4.2. Địa phương

↳ Nhà nước có chi phối không 1 Có 2 Không

05. Hợp tác xã/liên hiệp HTX

11. DN 100% vốn nước ngoài

5.1. Hợp tác xã

12. DN nhà nước liên doanh với nước ngoài

5.2. Liên hiệp HTX

13. DN khác liên doanh với nước ngoài

5.3. Quỹ tín dụng nhân dân

7. Lao động

7.1. Lao động có tại thời điểm 01/01/2016

Người

Trong đó: Nữ

Người

7.2. Lao động có tại thời điểm 31/12/2016

Người

Đơn vị tính: Người

Tên chỉ tiêu	Mã	Tổng số
A	B	1
Tổng số	01	
<i>Trong đó: Nữ</i>	02	
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	06	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	07	
3. Sơ cấp	08	
4. Trung cấp	09	
5. Cao đẳng	10	
6. Đại học	11	
7. Thạc sỹ	12	
8. Tiến sỹ	13	
9. Trình độ khác	14	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	15	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	16	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	17	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	18	
5. Trên 60 tuổi	19	

8. Thực hiện góp vốn điều lệ (Áp dụng cho các doanh nghiệp FDI)

Đơn vị tính: 1000 USD

Tên chỉ tiêu	Mã nước	Vốn điều lệ đến 31/12/2016	Thực hiện góp vốn điều lệ trong năm 2016	Góp vốn điều lệ lũy kế đến 31/12/2016
A	B	1	2	3
Tổng số (01=02+06)	01			
Bên Việt Nam (02=03+04+05)	02			
* Chia ra:				
Doanh nghiệp nhà nước	03			
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	04			
Tổ chức khác	05			
Bên nước ngoài	06			
* Chia ra:	Mã nước			
Nước				
Nước				
Nước				

9. Vốn đầu tư thực hiện trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016
TỔNG SỐ (01=02+05+06+09+15 +18 =21+27+28+29+30)	01	
A. CHIA THEO NGUỒN VỐN		
1. Ngân sách Nhà nước (02=03+04)	02	
- Ngân sách Trung ương	03	
- Ngân sách địa phương	04	
2. Trái phiếu chính phủ	05	
3. Tín dụng đầu tư phát triển (06 =07+08)	06	
- Vốn trong nước	07	
- Vốn nước ngoài (ODA)	08	
4. Vốn vay (09=10+11+12+13+14)	09	
- Vay ngân hàng trong nước	10	
- Vay các tổ chức, cá nhân khác ở trong nước	11	
- Vay ngân hàng nước ngoài	12	
- Vay các tổ chức, cá nhân khác ở nước ngoài	13	
- Vay công ty mẹ, công ty anh (em)	14	
5. Vốn tự có (15=16+17)	15	
- Bên Việt Nam	16	
- Bên nước ngoài	17	
6. Vốn huy động từ các nguồn khác	18	

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016
B. CHIA THEO KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ		
<i>Trong đó:</i> + Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước	19	
+ Chi phí đào tạo công nhân KT và cán bộ quản lý SX	20	
1. Xây dựng cơ bản (21=22+23+24)	21	
<i>Chia ra:</i> - Xây dựng và lắp đặt	22	
- Máy móc và thiết bị	23	
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác	24	
<i>Trong đó:</i> + Chi đền bù, giải phóng mặt bằng	25	
+ Tiền thuê đất hoặc mua quyền SD đất	26	
2. Mua sắm TSCĐ dùng cho SX không qua XDCB	27	
3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	28	
4. Vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có	29	
5. Đầu tư khác	30	
C. CHIA THEO MỤC ĐÍCH ĐẦU TƯ		Mã ngành Cấp 2 VSIC 2007 (CQ TKê ghi)
Mục đích 1:		
Mục đích 2:		
Mục đích 3:		
Mục đích 4:		
Mục đích 5:		
Mục đích 6:		
D. CHIA THEO TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG		Mã tỉnh, TP (CQ TKê ghi)
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
Tỉnh/TP:		
<i>Ngày tháng năm 2017</i>		
Người trả lời phiếu	Điều tra viên	Giám đốc Doanh nghiệp
- Họ và tên:	- Họ và tên:	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
- Điện thoại:	- Điện thoại:	
- Ký tên:	- Ký tên:	